

TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2025

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

Đợt xét: Đợt 3/2025

Môn thi: HD-Lý thuyết tổng hợp - 1220211

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm (L1)	Điểm (L2)	Điểm (L3)	Điểm (L4)	Lớp học	Ghi chú
1	Phùng Thị Kiều	Diễm	12/3/2003	6.00				CĐHD17N03	
2	Huỳnh Thái Hồng	Hân	07/8/2003	5.70				CĐHD17N07	
3	Trần Trung	Hòa	15/12/2001	5.10				CĐHD16N13	
4	Nguyễn Triệu Vương	Lan	13/7/2002	4.20				CĐHD16N12	
5	Bùi Hữu	Nghĩa	03/01/2002	5.50				CĐHD16N15	
6	Nguyễn Tấn	Sang	08/02/2001	6.60				CĐHD17N07	
7	Trần Hải Trường	Son	06/11/2002	5.00				CĐHD16N09	
8	Lê Thị	Thanh	06/5/2003	5.80				CĐHD17N08	
9	Lê Thị Ngọc	Trình	19/11/2003	5.70				CĐHD17N03	
10	Võ Thanh	Vũ	21/01/2003	5.10				CĐHD17N04	
11	Đoàn Thị Ngọc	Yến	09/9/2001	4.60				CĐHD16N07	
12	Lê Phúc	Anh	18/9/2002	4.50	0.00			CĐHD16N06	
13	Lê Nguyên	Khang	16/4/2002	4.70	4.10	6.10		CĐHD16N05	
14	Từ Thị Bích	Ngân	30/8/2003	4.10	4.10			CĐHD17N03	
15	Phạm Thanh	Thiện	21/5/2002	4.30	4.00	5.60		CĐHD16N05	
16	Huỳnh Thị Huyền	Trân	13/10/2002	4.80	5.20			CĐHD16N08	
17	Nguyễn Minh	Trí	01/11/2003	4.80	6.00			CĐHD17N05	
18	Bùi Ngọc	Anh	13/01/2004	5.30				CĐHD18N09	
19	Nguyễn Thị Tuyết	Chân	25/06/2003	6.40				CĐHD18N09	
20	Lê Hoài	Diễm	04/10/2004	5.90				CĐHD18N11	
21	Ninh Tuyết	Đình	02/01/2004	6.60				CĐHD18N09	
22	Lâm Thị Thuý	Dương	10/02/2004	7.80				CĐHD18N11	
23	Phạm Gia	Hân	27/11/2003	5.60				CĐHD18N01	
24	Dương Bảo	Hoà	20/07/2004	5.70				CĐHD18N12	
25	Hà Xuân	Hương	24/09/2004	4.70	5.00			CĐHD18N04	
26	Nguyễn Thị Kim	Hương	08/02/2004	4.30				CĐHD18N13	
27	Nguyễn Thị Như	Huyền	01/06/2004	6.80				CĐHD18N02	
28	Trần Minh	Khôi	19/4/2002	7.10				CĐHD18N13	
29	Cao Cẩm	Ly	12/05/2003	6.90				CĐHD18N09	
30	Nguyễn Thị Trà	Mi	02/12/2004	7.30				CĐHD18N11	
31	Đỗ Thị Kiều	My	18/6/2000	8.40				CĐHD18N13	
32	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	13/12/2004	4.50	6.20			CĐHD18N05	
33	Võ Thị Thanh	Ngân	18/05/2004	5.30				CĐHD18N12	
34	Trần Minh	Nhật	12/03/2000	6.40				CĐHD18N12	
35	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	28/09/2003	6.30				CĐHD18N04	
36	Thái Thị Cẩm	Nhung	31/05/2004	4.20	6.60			CĐHD18N09	
37	Phan Văn	Phú	22/08/2002	5.90				CĐHD18N11	
38	Phạm Phương	Quyên	31/03/2004	4.90				CĐHD18N12	

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm (L1)	Điểm (L2)	Điểm (L3)	Điểm (L4)	Lớp học	Ghi chú
39	Nguyễn Thắng	Quyên	06/09/2004	4.10	5.80			CĐHD18N10	
40	Đặng Thị Cẩm	Thạch	29/04/2004	3.90	4.60			CĐHD18N03	
41	Trần Thị Kim	Thái	20/10/2004	5.90				CĐHD18N12	
42	Lê Thị Thu	Thảo	10/04/2004	4.70				CĐHD18N13	
43	Trần Thị Minh	Thi	13/08/2004	5.80				CĐHD18N09	
44	Bàn Thị	Thu	17/11/2004	7.30				CĐHD18N04	
45	Nguyễn Thị Kim	Thủy	28/05/2004	5.20				CĐHD18N12	
46	Nguyễn Minh	Tiền	25/04/2004	6.60				CĐHD18N09	
47	Trần Tú	Trình	04/11/2004	5.50				CĐHD18N09	
48	Đào Thị	Tuyết	12/03/2004	6.50				CĐHD18N10	
49	Hồ Đình	Văn	18/08/2004	5.50				CĐHD18N08	
50	Huỳnh Hạ	Vi	26/09/2004	7.60				CĐHD18N11	
51	Phan Tấn	Việt	12/10/2004	7.00				CĐHD18N06	
52	Đỗ Mỹ Phương	Vy	02/08/2004	6.00				CĐHD18N12	